TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNPHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2022/DS-ST
Ngày: 11 – 10 – 2022
V/v tranh chấp đòi lại đất cho mượn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Hồng Lành**

2. Ông **Danh Hưởng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Văn Trường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 và ngày 11 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp đòi lại đất cho mượn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1936; Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Phan Thị Ph, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Phan Cẩm H1, sinh năm 1994

3.2. Anh Phan Công Th, sinh năm 1984

3.3. Chị Phan Thị Th1, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H và anh Th: Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.4. Bà Phan Thị N

3.5. Ông Phan Văn S1

3.6. Bà Phan Thị D

3.7. Ông Phan Thanh L1

3.8. Bà Phan Thị L2

3.9. Ông Phan Thành Đ

3.10. Chị Phan Thị Ph

3.11. Anh Phan Thất H2

Cùng địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.12. Chị Phan Thị Tuyết Ngọc. Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.13. Bà Nguyễn Ngọc D1

3.14. Anh Phan Thanh B

3.15. Chị Phan Kim Ng

3.16. Anh Phan Thanh Ng1

Cùng địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.17. Chị Phan Kim H3. Địa chỉ: ấp Long Đức, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.18. Chị Trần Thị Thuỳ L3, sinh năm 1986

3.19. Cháu Phan Thị Nhã P, sinh năm 2006

3.20. Cháu Phan Quốc A, sinh năm 2008

Cùng địa chỉ: ấp C, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật của cháu P và cháu Quốc A: Chị Trần Thị Thuỳ L3, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.21. Ngân hàng N

Địa chỉ: số 02 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th. Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1973. Chức vụ Phó Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện P, Bạc Liêu. Địa chỉ: ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.22. Ủy ban nhân dân huyện P. Địa chỉ: ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T – Chủ tịch UBND huyện P.

(Tại phiên tòa chị Ph, bà Ch, bà D có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) chị Phan Thị Ph trình bày:*

Nguồn gốc đất là của ông nội chồng của bà H khai phá, sau đó mới cho lại chồng bà H là Phan Văn S và bà H sau khi cưới (do ông S sống cùng ông bà nội). Sau khi được cho thì vợ chồng bà H canh tác phần đất này đến năm 1993 thì ông S mới cho anh Phan Văn L (chồng bà Ch) và bà Ch ra ở riêng trên phần đất này, khi đó ông S chỉ cho ở chứ không có nói cho mượn, cho luôn hay cho thuê gì hết. Vợ chồng bà Ch sử dụng đến năm 1995 thì ông L chết nên ông S mới cho bà Ch một phần đất nền khác để bà Ch cất nhà ở mà không ở trên phần đất này nữa, đồng thời cho thêm phần đất ruộng là 05 công để canh tác. Sau khi bà Ch dọn nhà đi thì bà Ch muốn sử dụng phần đất này làm gì thì hỏi vợ chồng bà H đồng ý cho mới được sử dụng và thực tế vợ chồng bà H vẫn cho bà Ch trồng cây bạch đàn, trồng chuối rồi ban ra trồng lúa. Từ khi cho vợ chồng bà Ch ở vào năm 1993 đến nay thì vợ chồng bà H không có sử dụng phần đất này lần nào. Trong quá trình bà Ch sử dụng phần đất này thì không có ai phản đối vì lúc đó vợ chồng bà H đồng ý cho bà Ch sử dụng. Do sau khi anh L chết bà Ch phải nuôi 03 người con nhỏ nên vợ chồng bà H mới để cho bà Ch mượn phần đất này trồng trọt có thu nhập nuôi con. Việc mượn đất do là con dâu trong nhà nên chỉ nói miệng chứ không có làm giấy tờ gì hết. Bà H cũng không có tài liệu, chứng cứ gì về việc cho bà Ch mượn đất. Năm 2016, bà Ch kêu bán phần đất này thì bà H không đồng ý cho bán, bà Ch mới làm đơn thưa bà H với lý do bà Ch có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này nhưng bà H lại không cho bán. Nguồn gốc phần đất này là của vợ chồng bà H và bà H có chứng cứ chứng minh ông S không có đồng ý cho đất bà Ch là đoạn video do chị Ph quay tại nhà bà H vào khoảng tháng 5/2016 (sau khi bà Ch gửi đơn thưa bà H), nội dung video là hỏi ông S có ký tên cho đất bà Ch hay không thì ông S nói không có ký tên cho bà Ch, do đất đó là đất do ông bà để lại nên không đồng ý cho bà Ch bán. Phần đất hiện nay bà Ch có trồng chuối, trên đất có cây tạp, ngoài ra không còn công trình gì khác.

Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu bà Ch phải trả phần đất diện tích 313,2m^2 thửa số 331 tờ bản đồ 8 và diện tích 1.570,4m^2 thửa số 340 tờ bản đồ 8 toạ lạc ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do bà Ch đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời bà H yêu cầu huỷ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Ch đối với hai diện tích đất nêu trên. Tuy nhiên, nay bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Ch trả phần đất diện tích 313,2m^2 thửa số 331 tờ bản đồ 8 toạ lạc ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 031296 do UBND huyện Phước Long cấp cho hộ bà Ch ngày 31/7/2009.

Nay bà H chỉ yêu cầu bà Ch trả lại phần đất diện tích 1.570,4m^2 thửa số 340 tờ bản đồ 8 toạ lạc ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 057899 do UBND huyện Phước Long cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Ch ngày 10/3/2009. Lý do bà H chỉ cho vợ chồng bà Ch mượn đất chứ bà H không có ký tên cho vợ chồng bà Ch. Ngoài ra bà H không còn yêu cầu gì khác.

Chị Ph thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà H, không có yêu cầu gì khác trong vụ án này.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Phan Cẩm H1 và anh Phan Công Th) bà Nguyễn Thị Ch trình bày:*

Nguồn gốc phần đất là của cha mẹ chồng bà là Phan Văn S và Trần Thị H. Năm 1981 khi bà kết hôn với ông Phan Công L về sống chung với cha mẹ chồng thì phần đất này do cha mẹ chồng bà sử dụng. Đến khoảng 1986, cha mẹ chồng bà cho vợ chồng bà ra riêng thì cho vợ chồng bà phần đất vườn (là diện tích tranh chấp 1570,4m^2) để cất nhà ở. Đồng thời, cha mẹ chồng bà cũng cho vợ chồng bà 05 công đất trồng lúa (trong đó có diện tích 313,2m^2 đang tranh chấp). Phần đất vườn diện tích 1570,4m^2 trước khi cho vợ chồng bà thì không có ai đứng tên. Còn phần đất diện tích 313,2m^2 trước đó do cha chồng bà là Phan Văn S đứng tên, sau đó cha chồng bà cho vợ chồng bà nên chuyển tên cho chồng bà là Phan Công L đứng tên. Sau khi chồng bà chết thì chuyển tên lại cho bà. Hiện nay hộ bà đứng tên hai phần diện tích đất 1570,4m^2 và diện tích 313,2m^2. Hai quyền sử dụng đất đối với hai phần đất tranh chấp hiện bà đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng N, chi nhánh huyện Phước Long, do con bà là Phan Cẩm H đứng ra ký hợp đồng tín dụng vay số tiền gốc 70.000.000 đồng, bà ký hợp đồng thế chấp. Hiện nay bà vẫn còn nợ Ngân hàng chưa thanh toán.

Vì vậy, nay bà H yêu cầu bà trả lại phần đất diện tích 1.570,4m^2 thửa đất số 340 tờ bản đồ 8 toạ lạc ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 057899 do UBND huyện Phước Long cấp cho hộ bà đứng tên ngày 10/3/2009 thì bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H vì phần đất này cha mẹ chồng bà đã cho vợ chồng bà và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi.

Đối với việc bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà trả phần đất diện tích 313,2m^2 thửa đất số 331 tờ bản đồ 8 toạ lạc ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 031296 do UBND huyện Phước Long ngày 31/7/2009 thì bà thống nhất. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Chị H và anh Th thống nhất theo lời trình bày của bà, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị D trình bày:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp của cha mẹ bà là ông Phan Văn S và bà Trần Thị H như chị Ph và bà Ch trình bày là đúng. Tuy nhiên, phần đất này khi vợ chồng ông L và bà Ch ra riêng thì cha mẹ bà đã tặng cho vợ chồng ông L và bà Ch rồi và bà Ch cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, nay bà H khởi kiện yêu cầu bà Ch trả vì cho rằng đất cho mượn chứ không có cho bà Ch là không đúng, bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N ông Nguyễn Văn H4 trình bày:*

Bà Ch có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 031296 diện tích 313,2m^2 thửa số 331 tờ bản đồ 8 và số A0 057899 diện tích 1.570,4m^2 thửa đất số 340 tờ bản đồ 8 để vay tiền Ngân hàng N, chi nhánh huyện P. Hiện tại hợp đồng vay vốn còn trong hạn và bà Ch thực hiện việc trả nợ đúng cam kết với Ngân hàng nên Ngân hàng N không có yêu cầu gì đối với bà Ch và chị H. Ngân hàng N không có yêu cầu gì trong vụ án này.

** Đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện P trình bày:*

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và xin vắng mặt.

** Các đương sự còn lại trong vụ án đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Toà án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu bà Ch trả phần đất diện tích 313,2m^2 thửa đất số 331 tờ bản đồ 8 toạ lạc ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 031296 do UBND huyện Phước Long cấp cho hộ bà Ch ngày 31/7/2009.

+ Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở để xác định bà H đã cho bà Ch phần đất diện tích 1.570,4m^2. Bà H không có căn cứ nào chứng minh phần đất này là bà H cho bà Ch mượn sử dụng. Do đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu bà Ch trả lại phần đất diện tích 1.570,4m^2 thửa đất số 340 tờ bản đồ 8 toạ lạc ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 057899 do UBND huyện Phước Long cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Ch ngày 10/3/2009.

+ Về án phí: Bà H là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà H khởi kiện yêu cầu bà Ch trả đất, phần đất tranh chấp tọa lạc huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Ngoài chị Ph, bà Ch, bà D có mặt tại phiên tòa, ông H4 và ông T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt thì các đương sự còn lại trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà H yêu cầu bà Ch trả phần đất đã mượn theo đo đạt thực tế có diện tích 1.570,4m^2 thửa đất số 340 tờ bản đồ 8 toạ lạc ấp L, thị trấn P, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu do hộ bà Ch đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà H xác định nguồn gốc được ông bà nội chồng bà H tặng cho vợ chồng bà H. Quá trình sử dụng đất, khi vợ chồng ông L và bà Ch ra ở riêng thì vợ chồng bà H cho vợ chồng bà Ch mượn phần đất này để ở chứ không có cho luôn, việc cho mượn chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ.

[4] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà H cho rằng bà không có ký giấy tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Ch và cung cấp đoạn video do chị Phương quay bằng điện thoại của chị Ph vào khoảng tháng 5/2016 tại nhà bà H thể hiện ông S không có tặng cho đất bà Ch. Xét thấy, thời điểm quay đoạn video là năm 2016, trong khi phần đất bà Ch đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu từ năm 2006, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ch thì nguồn gốc đất được cha mẹ cho và không có tranh chấp, tại Biên bản đo đạt thể hiện tứ cận có ông Phan Văn S, ông Phan Văn S (con ruột ông S) cùng ký tên. Như vậy, ông S đã biết và đã đồng ý ký tên giáp ranh để bà Ch làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp này. Đến năm 2009, bà Ch làm thủ tục cấp đổi cũng không có tranh chấp và không ai khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ch. Mặt khác, những người con của ông S và bà H gồm Phan Văn S1, Phan Thị D, Phan Thành Đ, Phan Thất H2 đều xác định phần đất tranh chấp bà H và ông S đã cho vợ chồng bà Ch rồi.

[5] Bên cạnh đó, từ khi được cha mẹ cho ra ở riêng vào năm 1986, vợ chồng bà Ch đã cất nhà ở trên phần đất tranh chấp và trực tiếp canh tác phần đất này. Sau khi ông L chết vào năm 1995, bà Ch vẫn tiếp tục sử dụng phần đất tranh chấp cho đến nay. Trong quá trình sử dụng thì bà Ch có thuê người cải tạo đất. Bà H cũng thừa nhận phần đất tranh chấp do bà Ch sử dụng từ khi vợ chồng bà Ch ra ở riêng cho đến nay, vợ chồng bà H không có sử dụng. Đồng thời, trong suốt quá trình bà Ch sử dụng và cải tạo đất thì bà H thừa nhận biết nhưng không có ý kiến phản đối hay ngăn cản gì hết. Chỉ đến khi bà H nghe bà Ch sang bán đất, bà H không đồng ý

thì hai bên mới phát sinh tranh chấp và bà H yêu cầu bà Ch trả lại đất. Bà H cho rằng sau khi cho bà Ch mượn đất thì bà Ch muốn sử dụng đất làm gì phải hỏi ý kiến của vợ chồng bà H đồng ý thì mới được sử dụng, tuy nhiên bà Ch không thừa nhận, bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Ngoài ra bà H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Nên việc bà H cho rằng ông S và bà H không có cho đất bà Ch là không có cơ sở.

[6] Theo Công văn số 467/UBND ngày 27/3/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Phước Long thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Ch được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Mặc dù việc ông S và bà H tặng cho đất cho bà Ch không có làm văn bản, tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/10/2018 của chị Ph với tư cách là đại diện theo ủy quyền của bà H có nội dung *"Trước đây má tôi chỉ nói cho đất ở chứ không được S bán, nay tôi nghe nói bà Ch có ý định S bán đất nên mới đòi lại"* (bút lục 58B), điều này đã chứng minh việc ông S và bà H cho đất bà Ch là thực tế có xảy ra, nay vì nghe bà Ch S bán nên mới đòi lại. Bà H cho rằng chỉ cho đất ở chứ không được S bán, nhưng bà H không cung cấp được tài liệu, chứng minh việc tặng cho là có điều kiện không được S bán. Phần đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Ch, như vậy phần đất tranh chấp đã thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ bà Ch và hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Ch đang thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng N. Do đó, bà H cho rằng bà Ch mượn đất của bà H nên yêu cầu bà Ch trả lại phần đất diện tích 1.570,4m^2 là không có căn cứ để chấp nhận. Do không chấp nhận yêu cầu đòi đất của bà H nên cũng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 057899 do UBND huyện Phước Long cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Ch ngày 10/3/2009 phần đất diện tích 1.570,4m^2 thửa đất số 340 tờ bản đồ 8 toạ lạc ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà Ch yêu cầu trả phần đất diện tích 1.570,4m^2 thửa đất số 340 tờ bản đồ 8 toạ lạc ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 057899 do UBND huyện Phước Long cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Ch ngày 10/3/2009.

[8] Tại đơn khởi kiện 30/7/2018, bà H yêu cầu bà Ch trả phần đất diện tích 313,2m^2 thửa đất số 331 tờ bản đồ 8 toạ lạc ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 031296 do UBND huyện Phước Long cấp cho hộ bà Ch ngày 31/7/2009. Ngày 25/02/2022, bà H có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần đất này. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của bà H là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu bà Ch trả phần đất diện tích 313,2m^2 thửa đất số 331 tờ bản đồ 8 toạ lạc ấp L, thị trấn P, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 031296 do Uỷ ban nhân dân huyện Phước Long cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Ch ngày 31/7/2009.

[9] Đối với hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà Ch và chị H với Ngân hàng N, chi nhánh huyện Phước Long. Hiện tại hợp đồng vay vốn còn trong hạn và bà Ch thực hiện việc trả nợ đúng cam kết với Ngân hàng nên Ngân hàng N không có yêu cầu gì đối với bà Ch và chị H trong vụ án này, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp giữa bà Ch và chị H với Ngân hàng N có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[10] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tài sản tranh chấp số tiền 6.275.332 đồng, bà H phải chịu. Bà H đã dự nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 1.300.000 đồng, số tiền 3.500.000 đồng theo Phiếu thu số 97/TB-TĐ ngày 21/9/2021 và số tiền 2.500.000 đồng theo Phiếu thu số 76/TB-TĐ ngày 12/7/2022, đã chi số tiền 6.275.332 đồng, bà H được nhận lại số tiền 1.024.668 đồng tại Toà án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[12] Về án phí: Bà H có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi nên được miễn phải chịu án phí theo quy định. Các đương sự khác không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 40, 91, 147, 186, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 100, 166, 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với bà Nguyễn Thị Ch yêu cầu trả phần đất diện tích 1.570,4m^2 thửa đất số 340, tờ bản đồ 8 toạ lạc ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 057899 do Uỷ ban nhân dân huyện Phước Long cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Ch ngày 10/3/2009.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Ch trả phần đất diện tích 313,2m^2 thửa đất số 331, tờ bản đồ 8 toạ lạc ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 031296 do Uỷ ban nhân dân huyện Phước Long cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Ch ngày 31/7/2009.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tài sản tranh chấp số tiền 6.275.332 đồng buộc bà Trần Thị H phải chịu. Bà Trần Thị H đã dự nộp tạm ứng chi phí tố tụng số

tiền 1.300.000 đồng, số tiền 3.500.000 đồng theo Phiếu thu số 97/TB-TĐ ngày 21/9/2021 và số tiền 2.500.000 đồng theo Phiếu thu số 76/TB-TĐ ngày 12/7/2022, đã chi số tiền 6.275.332 đồng, bà Trần Thị H được nhận lại số tiền 1.024.668 đồng tại Toà án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

4. Về án phí: Bà Trần Thị H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự khác không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly